

BỘ TÀI CHÍNH**BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 40/2014/TT-BTC

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2014

THÔNG TƯ**Hướng dẫn thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt đối với hàng hóa nhập khẩu
có xuất xứ từ Vương quốc Campuchia***Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14/6/2005;**Căn cứ Pháp lệnh Ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế số 33/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007;**Căn cứ Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;**Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;**Căn cứ Bản thỏa thuận về việc thúc đẩy thương mại song phương ký ngày 26/12/2013 giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia;**Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế.*

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt đối với hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ Campuchia.

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục hàng hóa có xuất xứ từ Campuchia nhập khẩu vào Việt Nam được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt 0% (Phụ lục I). Riêng mặt hàng thóc, gạo các loại và mặt hàng lá thuốc lá khô thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư này.

Điều 2. Điều kiện áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt 0%

Hàng hóa nhập khẩu có tên trong Danh mục hàng hóa quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này được áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt 0% phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa mẫu S (C/O form S) do cơ quan thẩm quyền của Campuchia cấp.

2. Thông quan qua các cặp cửa khẩu nêu trong Bản Thỏa thuận giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia (theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này).

Điều 3. Quy định khác

1. Hàng hóa áp dụng hạn ngạch nêu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này, để được hưởng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt 0% (không phần trăm) phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 2 Thông tư này và Điều 2 Thông tư số 09/2014/TT-BCT ngày 24/02/2014 của Bộ Công Thương quy định việc nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan năm 2014 và 2015 với thuế suất thuế nhập khẩu 0% đối với hàng hóa có xuất xứ từ Campuchia. Trường hợp nhập khẩu vượt quá số lượng hạn ngạch quy định sẽ áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu như sau:

1.1. Đối với mặt hàng gạo các loại: áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt ATIGA hoặc mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi (MFN) hoặc mức thuế suất thuế nhập khẩu thông thường theo quy định hiện hành.

1.2. Đối với mặt hàng lá thuốc lá khô:

a) Trường hợp lượng lá thuốc lá khô nhập khẩu vượt số lượng hạn ngạch nhập khẩu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này nhưng vẫn trong tổng mức hạn ngạch chung và đảm bảo các điều kiện quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam về hạn ngạch thuế quan thì phần vượt áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi (MFN) quy định tại Biểu thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi hiện hành;

b) Trường hợp lượng lá thuốc lá khô vượt số lượng hạn ngạch nhập khẩu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này và nằm ngoài tổng mức hạn ngạch chung thì áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch đối với lá thuốc lá khô theo quy định tại Thông tư số 111/2012/TT-BTC ngày 04/7/2012 của Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hóa và thuế suất thuế nhập khẩu để áp dụng hạn ngạch thuế quan và các văn bản có liên quan về thuế suất thuế nhập khẩu để áp dụng hạn ngạch thuế quan của Bộ Tài chính.

1.3. Đối với mặt hàng gạo các loại và lá thuốc lá khô chưa qua chế biến do phía Việt Nam hỗ trợ đầu tư, trồng tại Campuchia nhập khẩu về Việt Nam thực hiện theo quy định hiện hành về chính sách thuế đối với hàng nông sản chưa qua chế biến do phía Việt Nam hỗ trợ đầu tư, trồng tại Campuchia nhập khẩu về nước.

2. Hàng hóa nông sản chưa chế biến (trừ mặt hàng gạo các loại và lá thuốc lá khô) do các doanh nghiệp Việt Nam hỗ trợ đầu tư, trồng tại các tỉnh của Campuchia giáp biên giới Việt Nam nhập khẩu để làm nguyên liệu sản xuất hàng hóa tại Việt Nam thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư số 201/2012/TT-BTC ngày 16/11/2012 và Thông tư số 81/2013/TT-BTC ngày 19/6/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung

Thông tư số 201/2012/TT-BTC ngày 16/11/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chính sách thuế đối với hàng nông sản chưa qua chế biến do phía Việt Nam hỗ trợ đầu tư, trồng tại Campuchia nhập khẩu về nước, nếu đảm bảo các điều kiện quy định tại Điều 2 Thông tư này thì được áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt 0% (không phần trăm).

3. Đối với mặt hàng gạo các loại và lá thuốc lá khô có xuất xứ từ Campuchia do các doanh nghiệp Việt Nam nhập khẩu về Việt Nam để tái xuất đi các thị trường khác thực hiện theo cơ chế tạm nhập tái xuất của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các Hiệp định khu vực, quốc tế mà hai bên tham gia ký kết và không tính vào số lượng hạn ngạch nêu tại Phụ lục III. Nhập khẩu gạo các loại và lá thuốc lá khô để sản xuất, gia công xuất khẩu cũng không tính vào số lượng hạn ngạch nêu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014 đến hết ngày 31/12/2015, cùng thời điểm có hiệu lực thi hành của Bản thỏa thuận về việc thúc đẩy thương mại song phương giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia. Riêng đối với hàng hóa nhập khẩu theo hạn ngạch nêu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này áp dụng từ ngày 24/02/2014 đến hết ngày 31/12/2015.

2. Đối với các tờ khai hàng hóa nhập khẩu của hàng hóa nêu tại Phụ lục I đăng ký từ ngày 01/01/2014 đáp ứng đủ điều kiện để được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt quy định tại Thông tư này nhưng đã nộp thuế với mức thuế suất cao hơn được hoàn trả số tiền thuế chênh lệch theo quy định của pháp luật quản lý thuế./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Vũ Thị Mai

Phụ lục I
DANH MỤC HÀNG HÓA NHẬP KHẨU ĐƯỢC HƯỞNG
THUẾ SUẤT THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI ĐẶC BIỆT 0%
(Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BTC
ngày 01/4/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Mô tả hàng hóa
08.01	Dừa, quả hạch Brazil và hạt điều, tươi hoặc khô, đã hoặc chưa bóc vỏ hoặc lột vỏ
	- Hạt điều:
0801.31.00	- - Chưa bóc vỏ
0801.32.00	- - Đã bóc vỏ
08.04	Quả chà là, sung, vắ, dứa, bơ, ổi, xoài và măng cụt, tươi hoặc khô
0804.30.00	- Quả dứa
08.07	Các loại dưa (kể cả dưa hấu) và đu đủ, tươi
0807.20	- Quả đu đủ:
0807.20.10	- - Đu đủ mardí backcross solo (betik solo)
0807.20.90	- - Loại khác
08.10	Quả khác, tươi
0810.60.00	- Quả sầu riêng
10.06	Lúa gạo
1006.10	- Thóc
1006.10.10	- - Để gieo trồng
1006.10.90	- - Loại khác
1006.20	- Gạo lứt:
1006.20.10	- - Gạo Thai Hom Mali
1006.20.90	- - Loại khác
1006.30	- Gạo đã xát toàn bộ hoặc sơ bộ, đã hoặc chưa đánh bóng hạt hoặc hồ:
1006.30.30	- - Gạo nếp

Mã số	Mô tả hàng hóa
1006.30.40	- - Gạo Thai Hom Mali
	- - Loại khác:
1006.30.91	- - - Gạo lược sơ
1006.30.99	- - - Loại khác
17.03	Mật thu được từ chiết xuất hoặc tinh chế đường
1703.90	- Loại khác:
1703.90.90	- - Loại khác
1903.00.00	Sản phẩm từ tinh bột sắn và sản phẩm thay thế chế biến từ tinh bột, ở dạng mảnh, hạt, bột xay, bột rây hay các dạng tương tự
20.09	Các loại nước ép trái cây (kể cả hèm nho) và nước rau ép, Chưa lên men và Chưa pha thêm rượu, đã hoặc chưa pha thêm đường chất làm ngọt khác
	- Nước cam ép:
2009.12.00	- - Không đông lạnh, với trị giá Brix không quá 20
22.02	Nước, kể cả nước khoáng và nước có ga, đã pha thêm đường hoặc chất làm ngọt khác hay hương liệu và đồ uống không chứa cồn khác, không bao gồm nước quả ép hoặc nước rau ép thuộc nhóm 20.09
2202.10	- Nước, kể cả nước khoáng và nước có ga, đã pha thêm đường hoặc chất làm ngọt khác hay hương liệu:
2202.10.90	- - Loại khác
24.01	Lá thuốc lá chưa chế biến; phế liệu lá thuốc lá
2401.10	- Lá thuốc lá chưa tước cọng:
2401.10.10	- - Loại Virginia, đã sấy bằng không khí nóng
2401.10.20	- - Loại Virginia, Chưa sấy bằng không khí nóng
2401.10.40	- - Loại Burley
2401.10.50	- - Loại khác, được sấy bằng không khí nóng (flue-cured)
2401.10.90	- - Loại khác
2401.20	- Lá thuốc lá, đã tước cọng một phần hoặc toàn bộ:
2401.20.10	- - Loại Virginia, đã sấy bằng không khí nóng